

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp Nữ tỉnh Nghệ An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý Hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Hội Doanh nghiệp Nữ tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số 16/HDNN-TT ngày 23/4/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 71/TTr-SNV ngày 03/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Doanh nghiệp Nữ tỉnh Nghệ An đã được Đại hội thành lập (Nhiệm kỳ 2018 - 2023), thông qua ngày 28/3/2018 (có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Hội Doanh nghiệp Nữ tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Sở Nội vụ (2b);
- Công an tỉnh (PA 83);
- Lưu VT, VX109.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Đại

ĐIỀU LỆ
Hội doanh nghiệp Nữ Tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229/QĐ -UBND
ngày 11 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Nghệ An)

Chương I
TÊN GỌI, TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Nữ Doanh nghiệp Nghệ An
2. Tên giao dịch quốc tế: NGHE AN WOMEN BUSINESS ASSOCIATION
3. Tên viết tắt: NABW
4. Biểu tượng: Hội có biểu tượng được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Nữ doanh nghiệp Nghệ An (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội nghề nghiệp, được thành lập và hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện và bình đẳng của các Nữ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đang hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Mục đích của Hội là tập hợp, đoàn kết các Nữ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An cùng chia sẻ, liên kết và phấn đấu vì sự phát triển và thành đạt của Hội viên, góp phần nâng cao năng lực của từng doanh nghiệp do nữ lãnh đạo, tăng cường tính liên kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, động viên Hội viên cùng nỗ lực phát triển sản xuất, kinh doanh cũng như nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực quản lý và phát triển. Qua đó, góp phần khẳng định vai trò của Nữ doanh nhân trong cộng đồng doanh nhân và trong sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh Nghệ An, Hội phấn đấu vì sự phát triển và bình đẳng của phụ nữ góp phần xây dựng Nghệ An và Việt Nam giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (tài khoản tiền Việt và ngoại tệ) tại ngân hàng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội tại: Khách sạn Quyết Thành tọa lạc tại Số 174 Nguyễn Du - Phường Bến Thủy - TP.Vinh, tỉnh Nghệ An

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Nghệ An.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt, chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội

1. Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp, đàm phán và ký kết hợp tác với các với cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân và các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được xuất bản ấn phẩm có liên quan đến hoạt động của Hội, phục vụ cho hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

11. Giới thiệu và đề cử Hội viên tham gia các đoàn của cơ quan nhà nước, các tổ chức, Hội khác đi công tác ở nước ngoài khi có yêu cầu.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện hoạt động theo tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ Điều lệ, quy chế, quy định của Hội. Tổ chức các hoạt động phục vụ Hội viên như hội thảo, giao lưu, diễn đàn, giải trí và thư giãn; Gắn kết các Hội viên thông qua các hoạt động/sinh hoạt của của hội, của nhóm Hội viên mang đặc trưng tính giới cao, chia sẻ kinh nghiệm chăm lo gia đình, cân bằng cuộc sống và công việc; Kết nối và hưởng ứng các hoạt động tôn vinh và phát triển vai trò Nữ doanh nhân của hội với Hội Liên phụ nữ tỉnh Nghệ An và Trung ương.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Thực hiện vai trò Hội như một kênh thông tin đại diện cho Nữ doanh nhân và doanh nghiệp tham gia ý kiến, tư vấn vào thay đổi, cải cách cho chính sách, luật pháp khi có yêu cầu cũng như phản ánh các khó khăn, vướng mắc của Doanh nghiệp với UBND tỉnh, với các cơ quan, tổ chức khi cần thiết và được yêu cầu.

5. Kết nối các Hội viên theo lĩnh vực ngành nghề nhằm hỗ trợ các Hội viên chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, tạo cơ hội liên kết – liên doanh, sử dụng dịch vụ/sản phẩm của nhau, hoặc trợ giúp Hội viên quảng bá, cung cấp thông tin về dịch vụ/sản phẩm ra thị trường.

6. Kết nối với các tổ chức trong nước, tổ chức quốc tế để trợ giúp Hội viên thực hiện xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xúc tiến đầu tư, nghiên cứu thị trường, trưng bày sản phẩm, tham gia hội chợ trong và ngoài nước v.v...

7. Liên kết với các hội, tổ chức để thực hiện trao đổi và cung cấp thông tin về các chế độ chính sách của Nhà nước, của địa phương, các vấn đề về thị trường kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Hội viên.

8. Thực hiện đào tạo, liên kết/hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế để tổ chức các khóa đào tạo cho Hội viên và doanh nghiệp của Hội viên nhằm trợ giúp các Hội viên, doanh nghiệp của các Hội viên nâng cao năng lực quản trị công ty, tiếp cận thị trường mới, tăng cường năng lực bán sản phẩm/dịch vụ.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động Hội.

10. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của hội theo đúng quy định của pháp luật.

12. Hàng năm, hội thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đối với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ban, ngành có liên quan, đảm bảo thời gian và chất lượng và báo cáo công khai trong Hội.

13. Thực hiện quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội, ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hội;

b) Xác định thời hạn lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đó hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm:

a) Hội viên chính thức: Công dân Việt Nam là nữ, tổ chức Việt Nam (người đứng đầu là nữ) hiện đang sinh sống hợp pháp tại tỉnh Nghệ An hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thuộc mọi thành phần kinh tế được thành lập theo quy định của nhà nước, hoặc có trụ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An, tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Công dân, tổ chức Việt Nam tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập và đóng góp cho sự phát triển của Hội nhưng chưa đủ điều kiện họ chưa có nguyện vọng trở thành Hội viên chính thức thì có thể trở thành hội viên liên kết;

c) Hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam là người có uy tín, có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Hội, được hội mời, suy tôn làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn để trở thành hội viên

a) Hội viên của Hội là doanh nghiệp, tổ chức do Nữ lãnh đạo đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An, có đăng ký kinh doanh, có đầy đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi dân sự và tự nguyện, tán thành và cam kết thực hiện Điều lệ và các quy định của Hội, với điều kiện Doanh nghiệp đã có thời gian thành lập và hoạt động ít nhất từ 01 (hai) năm trở lên. Hộ kinh doanh cá thể.

b) Hội viên của hội bao gồm Hội viên tập thể và Hội viên cá nhân.

c) Hội viên tập thể của Hội là tổ chức kinh tế/xã hội hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có quan tâm và có liên quan đến hoạt động của Hội.

d) Hội viên cá nhân phải là Nữ doanh nhân đang đảm nhiệm vai trò lãnh đạo hoặc quản lý trong các doanh nghiệp hoặc các tổ chức.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức

3. Được tham gia thảo luận, quyết định, chất vấn, phê bình các chủ trương, công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới gia nhập Hội và được Hội ghi nhận, tuyên dương khi có thành tích trong công tác phát triển Hội viên.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các nghị quyết, quy định của Hội.

2. Tích cực tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh, vì lợi ích của Hội viên và Hội nói riêng, và cộng đồng doanh nghiệp nói chung.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội, sử dụng thương hiệu của Hội trong các quan hệ giao dịch để phục vụ cho lợi ích của cá nhân hoặc doanh nghiệp, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công, phê chuẩn và cho phép bằng văn bản.

4. Tuyên truyền rộng rãi về Hội để thu hút Hội viên mới và hoạt động góp phần phát triển tổ chức, mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

5. Cung cấp số liệu thống kê, thông tin, báo cáo kịp thời, trung thực khi Hội yêu cầu.

6. Trong trường hợp không thể tham gia hoạt động sinh hoạt hội viên của Hội được phải thông báo cho Văn phòng Hội 02 ngày trước buổi sinh hoạt (trừ trường hợp đột xuất có thể thông báo trước hoặc sau buổi sinh hoạt).

7. Cam kết cung cấp sản phẩm/dịch vụ có chất lượng theo đúng như thỏa thuận giữa các bên.

8. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

9. Trả lại Hội thẻ Hội viên, giấy chứng nhận Hội viên (nếu có) khi không còn là Hội viên.

Điều 11. Thẻ thức gia nhập, chấm dứt tư cách hội viên

1. Tổ chức, cá nhân muốn gia nhập Hội hoặc xét thấy không muốn tiếp tục làm hội viên của Hội thì phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xóa tên hội viên khỏi Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Tư cách Hội viên sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam;

b) Pháp nhân bị giải thể, bị phá sản;

c) Hội viên không thực hiện đúng điều lệ Hội, gây tổn hại về uy tín và tài chính của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu)

2. Ban Chấp hành (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các ủy viên Ban Chấp hành).

3. Ban Kiểm tra hội.

4. Ban cố vấn

5. Văn phòng và các ban chuyên môn.

6. Các pháp nhân, tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội

a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội hoặc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể Hội (nếu có);

c) Thông qua báo cáo thu chi tài chính nhiệm kỳ qua; kế hoạch thu chi tài chính nhiệm kỳ mới và quyết định mức thu hội phí;

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;

e) Thông qua Nghị quyết của Đại hội.

g) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần thiết khác.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội;

Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định khác trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, bầu bổ sung/miễn nhiệm ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung/rút bớt không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Tôn vinh Chủ tịch danh dự.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp ít nhất 3 tháng 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên ½ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên ½ (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Thường trực Ban Chấp hành do Ban Chấp hành quyết định nhưng số lượng không quá 1/3 số lượng ủy viên Ban chấp hành. Nhiệm kỳ của Thường trực Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

d) Thay mặt cho Hội trong mối quan hệ giao dịch với chính quyền, các cơ quan Nhà nước, các Hội doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ trong nước và ngoài nước;

e) Quyết định gia nhập các tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định tổ chức các Hội thảo/Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định thành lập các Ban chuyên môn, các nhóm Hội viên theo lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề, và tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật; Quyết định các kế hoạch công tác, chương trình hoạt động của các Ban chuyên môn, đơn vị và tổ chức trực thuộc Hội;

h) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành;

i) Quyết định kết nạp, chấm dứt tư cách Hội viên;

j) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Định kỳ 02 tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc có trên ½ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có trên ½ (một phần hai) ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên ½ (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Ban Kiểm tra bầu trong số các Ủy viên Ban Kiểm tra được Đại hội bầu.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban;

b) Kiểm tra giám sát việc thi hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Hội nghị toàn thể, Ban chấp hành

c) Kiểm tra giám sát thu chi tài chính của hội, báo cáo cho Hội viên hàng năm;

d) Trưởng Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội;

đ) Kiểm tra hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh;

e) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại của Hội viên đối với tập thể, cá nhân của hội, liên quan đến hội, báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

f) Có báo cáo hàng năm tại Đại hội, Hội nghị toàn thể

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ hội.

Điều 17. Ban cố vấn

1. Ban Cố vấn gồm những cá nhân xuất sắc, có nhiều đóng góp cho xã hội và có tầm ảnh hưởng lớn được Ban Thường trực mời tham gia hỗ trợ, tư vấn cho hội.

2. Thành viên Ban Cố vấn được mời tham gia các phiên họp Ban Thường trực, Ban Chấp hành, được quyền tham gia ý kiến, tư vấn như các thành viên Ban Chấp hành, ban Thường trực, nhưng không được tham gia biểu quyết.

3. Ban Chấp hành quy định chế độ đãi ngộ với thành viên Ban Cố vấn.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội

1. Chủ tịch hội là đại diện pháp nhân của hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội. Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban Chấp hành hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND Thành phố, Sở Công thương, Sở Nội vụ, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội về mọi hoạt động của hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của hội theo quy định Điều lệ hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của hội;

e) Chủ tịch hội quyết định việc bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký.

g) Khi Chủ tịch hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của hội được ủy quyền bằng văn bản cho mặt Phó Chủ tịch hội.

3. Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch hội chỉ đạo, điều hành công tác của hội theo sự phân công của Chủ tịch hội; chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch hội phân công hoặc ủy quyền.

Phó Chủ tịch hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký

1. Tổng Thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch và trực tiếp điều hành hoạt động của Văn phòng hội, các cơ quan chuyên môn, các tổ chức trực thuộc hội và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

2. Tổng thư ký có quyền phân công và giao một số quyền hạn, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho các Phó Tổng thư ký.

3. Phó Tổng thư ký là người giúp việc cho Tổng thư ký trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của hội. Phó Tổng thư ký Thường trực thay mặt Tổng thư ký điều hành hoạt động Văn phòng hội khi Tổng thư ký vắng mặt.

Điều 19. Văn phòng và các ban chuyên môn

Văn phòng và các ban chuyên môn hội là bộ phận giúp việc cho Ban Chấp hành, Ban Thường trực, chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt.

Điều 20. Các pháp nhân và tổ chức trực thuộc hội

1. Hội được thành lập các pháp nhân thuộc hội hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ hội và thực hiện tuân thủ quy định pháp luật. Hội thành lập pháp nhân thuộc hội không đúng quy định của pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. UBND Thành phố có quyền yêu cầu hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị Công an Thành phố thu hồi con dấu.

2. Các tổ chức cơ sở thuộc hội gồm Chi hội và Các nhóm hội viên theo lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề, là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu và không có tài khoản riêng hoạt động theo quy định, quy chế do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với Điều lệ hội và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể được thực hiện theo quy chế của Bộ Luật dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Quản lý tài sản, tài chính

1. Việc quản lý tài chính, sử dụng tài sản của hội được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính, sử dụng tài sản do Ban Chấp hành hội quy định; tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

2. Các khoản thu, chi của hội phải tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, được phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán theo quy định, thực hiện báo cáo công khai tại hội nghị thường kỳ hàng năm của Ban Chấp hành cũng như trước Đại hội của hội.

Điều 23. Tài chính, tài sản của hội

1. Tài chính của hội:

a) Nguồn thu của hội:

- Lệ phí gia nhập hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

– Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

– Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội theo quy định của Ban Chấp hành hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của hội: Tài sản của hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của hội. Tài sản của hội được hình thành từ nguồn kinh phí của hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

3. Xử lý tài chính, tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể hội

Các vấn đề về tài sản, quyền và lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ và các vấn đề tài chính khác của hội liên quan đến chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.



CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

Hội viên, doanh nghiệp, cá nhân hoặc tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động hội, trong sản xuất kinh doanh và phát triển cộng đồng sẽ được hội xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể Trung ương, Thành phố Vinh khen thưởng.

Điều 25. Kỷ luật

Pháp nhân, tổ chức, cơ sở trực thuộc hội, hội viên làm tổn hại đến uy tín, danh dự, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Ban Chấp hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục khen thưởng và kỷ luật phù hợp với Điều lệ hội và pháp luật hiện hành.

Điều 26. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các sai phạm của tổ chức và cá nhân trong hội. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Khi có khiếu nại, tố cáo trong nội bộ của hội, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo do Ban Kiểm tra thực hiện đảm bảo theo quy định và báo cáo kết quả giải quyết đối với Ban Chấp hành. Quyền quyết định cao nhất, cuối cùng là Ban Chấp hành hội.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Nữ Doanh nghiệp Nghệ An mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội phải được trên ½ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có 08 Chương, 28 Điều, đã được Đại hội đại biểu hội Nữ Doanh nghiệp Nghệ An nhiệm kỳ I (2018-2023) nhất trí thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ hội, Ban Chấp hành hội Nữ Doanh nghiệp Nghệ An có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.